TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ANH SƠN
TỈNH NGHỆ AN
Bản án số:24 /2021/DSST
Ngày 08 /10/2021
"V/v: T/c HĐ vay tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ANH SƠN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Phan Văn Phú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Tân, ông Bùi Công Linh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Cán bộ Toà án nhân dân huyện A

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Phương Mai - Chức vụ: Kiểm sát Viên

Ngày 08 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1969

Địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện A, tỉnh N – Có mặt

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952

Địa chỉ: Thôn 6, xã H, huyện A, tỉnh N – Có mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị H – Sinh năm 1969

Địa chỉ: thôn 2, xã H, huyện A, tỉnh N – Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các biên bản lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Do gia đình ông và bà Nguyễn Thị H quen biết tin tưởng trong quá trình làm ăn, nên trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2020 bà Nguyễn Thị H đã vay của vợ chồng ông nhiều lần, cụ thể từng lần thì ông không nhớ, các khoản vay gối nhau, khi bà H vay khoản vay mới thì hai bên làm giấy chốt nợ và hủy giấy vay cũ. Đến ngày 03/8/2020 bà H đến gia đình ông hai bên đã làm giấy chốt nợ của số tiền những lần trước bà H đã vay. Hai bên không tính tiền lãi suất. Bà H thống nhất số tiền còn nợ vợ chồng ông là 300.000.000 đồng. Thực tế vào ngày 03/8/2020 vợ chồng ông không cho bà H vay thêm tiền. Bà H cam kết đến 15/9/2020 phải thanh toán đầy đủ số tiền đã vay cho vợ chồng ông. Đến hẹn thanh toán bà H vẫn không chịu thanh toán mặc dù gia đình ông đã nhiều lần đến đòi, bà H cứ hứa hẹn lần này đến lần khác. Nay ông yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải thanh toán số tiền đã vay của vợ chồng ông là 300.000.000 đồng, tiền lãi suất ông không yêu cầu nữa.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến 2011 ông Minh, bà H1 là trùm phường, bà H có theo của vợ chồng ông Minh, bà H1 một số suất phường (Cụ thể bao

nhiêu suất thì bà không nhớ). Sau khi tham gia phường và bốc phường bà bỏ phường giữa chừng do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, làm ăn thất bát nên bà không thanh toán lại tiền phường cho ông Minh, bà H1 được. Theo bà còn nhớ thì bà nợ tiền phường vợ chồng ông Hạnh, bà Minh 80.000.000 đồng, sau một thời gian bà đã thanh toán được 38.000.000 đồng, nay còn nợ gia đình ông Minh, bà H1 số tiền 42.000.000 đồng. Đến ngày 03/8/2020 ông Minh, bà H1 đã tính tiền gốc và lãi suất của khoản nợ tiền phường trước đây lên đến số tiền 300.000.000 đồng và yêu cầu bà viết giấy vay tiền, hẹn đến ngày 15/9/2020 phải trả cho ông Minh, bà H1. Thực tế bà chỉ còn nợ vợ chồng ông Minh, bà H1 42.000.000 đồng tiền phường, không có chuyện bà vay 300.000.000 đồng như ông Minh, bà H1 yêu cầu. Do đó bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H trình bày:

Do gia đình bà và bà Nguyễn Thị H quen biết tin tưởng trong quá trình làm ăn, nên trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2020 bà Nguyễn Thị H đã vay của gia đình bà nhiều lần, cụ thể từng lần thì bà H1 không nhớ, các khoản vay gối nhau, khi bà H vay khoản vay mới thì hai bên làm giấy chốt nợ và hủy giấy vay cũ. Đến ngày 03/8/2020 bà H đến nhà bà, hai bên đã làm giấy chốt nợ của số tiền những lần trước bà H đã vay. Hai bên không tính tiền lãi suất. Bà H thống nhất số tiền còn nợ vợ chồng bà là 300.000.000 đồng. Thực tế vào ngày 03/8/2020 vợ chồng bà không cho bà H vay thêm tiền. Bà H cam kết đến 15/9/2020 phải thanh toán đầy đủ số tiền đã vay cho vợ chồng. Đến hẹn thanh toán bà H vẫn không chịu thanh toán mặc dù vợ chồng đã nhiều lần đến đòi, bà H cứ hứa hẹn lần này đến lần khác. Không có chuyện bà H nợ tiền phường 80.000.000 đồng của vợ chồng bà và vợ chồng bà tính lãi suất cao của khoản nợ tiền phường thành giấy chốt nợ ngày 03/8/2020 như bà H trình bày. Nay ông Minh khởi kiện để yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải thanh toán số tiền đã vay của vợ chồng bà là 300.000.000 đồng thì bà H1 hoàn toàn thống nhất với nội dung khởi kiện và yêu cầu trên.

Tại phiên tòa đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng và phát biểu quan điểm về nội dung vụ án như sau: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên toà hôm nay, HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng về phiên toà sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử, độc lập và chỉ tuân theo phép luật, thành phần những người tiến hành tố tụng đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định. Về mặt nội dung vụ án: Có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M, buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho ông Minh, bà H1 số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay, Hội đồng xét xử xác định đây là

quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn là bà Nguyễn Thị H cư trú tại thôn 6, xã H, huyện A, tỉnh N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh N theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán số tiền vay 300.000.000 đồng thấy rằng:

Trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2020 vợ chồng ông Nguyễn Văn M và bà Trương Thị H đã cho bà Nguyễn Thị H vay tiền nhiều lần, mục đích để bà H có vốn làm ăn. Các khoản vay gối nhau, khi bà H vay khoản vay mới thì hai bên làm giấy chốt nợ và hủy giấy vay cũ. Đến ngày 03/8/2020 bà H đến nhà bà H1, ông Minh, hai bên đã làm giấy chốt nợ của số tiền những lần trước bà H đã vay. Mặc dù trên giấy tờ ghi "Giấy vay tiền" nhưng thực chất là giấy chốt nợ các khoản vay trước đây của bà H. Bà H thống nhất số tiền còn nợ vợ chồng ông Minh, bà H1 là 300.000.000 đồng. Bà H cam kết đến 15/9/2020 phải thanh toán đầy đủ số tiền đã vay cho vợ chồng. Đến hẹn thanh toán bà H vẫn không chịu thanh toán mặc dù vợ chồng ông Minh, bà H1 đã nhiều lần đến đòi, bà H cứ hứa hẹn lần này đến lần khác. HĐXX xét thấy việc vay mượn tiền giữa vợ chồng ông Minh, bà H1 và bà H là hoàn toàn phát sinh trên cơ sở tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch nói trên. Bà H là bên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã giao kết.

Xét lời nại của bị đơn bà Nguyễn Thị H: Bà H cho rằng trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến 2011 ông Minh, bà H1 là trùm phường, bà H có theo của vợ chồng ông Minh, bà H1 một số suất phường (Cụ thể bao nhiêu suất thì bà không nhớ). Sau khi tham gia phường và bốc phường bà bỏ phường giữa chừng do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, làm ăn thất bát nên bà không thanh toán lại tiền phường cho ông Minh, bà H1 được. Theo bà còn nhớ thì bà nợ tiền phường vợ chồng ông Hạnh, bà Minh 80.000.000 đồng, sau một thời gian bà đã thanh toán được 38.000.000 đồng, nay còn nợ gia đình ông Minh, bà H1 số tiền 42.000.000 đồng. Đến ngày 03/8/2020 ông Minh, bà H1 đã tính tiền gốc và lãi suất của khoản nợ tiền phường trước đây lên đến số tiền 300.000.000 đồng và yêu cầu bà viết giấy vay tiền, hẹn đến ngày 15/9/2020 phải trả cho ông Minh, bà H1. Thực tế bà chỉ còn nợ vợ chồng ông Minh, bà H1 42.000.000 đồng tiền phường, không có chuyện bà vay 300.000.000 đồng như ông Minh, bà H1 yêu cầu. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án bị đơn không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho lời nại của mình là có căn cứ và hợp pháp. Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"* Do đó, dựa trên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử khẳng định lời nại của bà H là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M. Buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn M, bà Trương Thị H số tiền đã vay là 300.000.000 đồng. Về lãi suất ông M, bà H1 không yêu cầu nên HĐXX không xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí DSST theo qui định của pháp luật.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các điều 26, 35, 39, 147, 207,235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội .

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M. Buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn M, bà Trương Thị H số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định của pháp luật tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dânsự.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn M 3.750.000 đồng *(Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí ông Minh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A ngày 23/4/2021, theo biên lai số 0002004).

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh N trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *VKS huyện A;*
- *THADS huyện A;*
- *Các đương sự;*

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phan Văn Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Quang Tân ***Bùi Công Linh*** ***Phan Văn Phú***

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *VKS huyện A;*
- *THADS huyện A;*
- *Các đương sự;*

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phan Văn Phú